TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2026/HS-PT
Ngày: 28/01/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM-TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Thanh Tùng;
Các Thẩm phán: ông Phan Nhựt Bình;
ông Nguyễn Văn Minh.

-Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lụa, Thẩm tra viên Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên: ông Lê Công T, Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/01/2026 và ngày 28/01/2026 tại trụ sở Tòa Phúc thẩm-Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 440/2025/TLPT-HS ngày 31/10/2025 đối với bị cáo Đinh Trường C;

Do có kháng cáo của bị cáo Đinh Trường C và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (là Ngân hàng Thương mại cổ phần S3) đối với bản án hình sự sơ thẩm số 660/2025/HS-ST ngày 25/09/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

1/Bị cáo kháng cáo:

Đinh Trường C; giới tính: nam; sinh ngày 15/08/1974 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: A T, P, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là: phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: nguyên Giám đốc Công ty TNHH Thương mại, quảng cáo, xây dựng địa ốc V2 và nguyên Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Thương mại, Dịch vụ, xây dựng V3; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; bị cáo là con ông Đinh Trọng K và bà Phan Thị N; bị cáo có vợ và 05 người con (người con lớn nhất sinh năm 2000; người con nhỏ nhất sinh năm 2020);

Tiền án: không; tiền sự: không;

Về nhân thân:

-Vào ngày 25/04/1997, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản công dân" (bản án số 108/HSST ngày 25/4/1997);

-Vào ngày 06/6/1998, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 15 tháng tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân" (bản án số 402/HSPT).

-Vào ngày 25/12/2023 và ngày 01/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H (PC01) khởi tố điều tra về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và "Tham ô tài sản".

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/10/2023 (có mặt).

(trong vụ án này, còn có 02 bị cáo khác là Huỳnh Thế N1 và Nguyễn Thọ T1, nhưng họ không có kháng cáo, Tòa án không triệu tập).

2/Người bị hại:

Tổng Công ty Lương thực Miền N2 (V II) -Công ty Cổ phần;

Địa chỉ: 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Ông Lãnh,

Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện của người bị hại (theo giấy ủy quyền số 20/GUQ-LTMN ngày 14/01/2026 của Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Lương thực Miền N2):

Ông Trần Hoàng N3, là Phó Tổng giám đốc và ông Nguyễn Tài Đ, là Trưởng ban quản lý và phát triển dự án-phụ trách Ban pháp chế Tổng công ty (có mặt).

3/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/Công ty TNHH TM - QC - XD - Địa ốc V2 (vắng mặt);

Địa chỉ: B Hồ T, phường P, thành phố Hà Nội.

3.2/Công ty TNHH TM - Dịch vụ và xây dựng V3

(vắng mặt);

Địa chỉ: D C, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3/Công ty Cổ phần B3 (vắng mặt);

Địa chỉ: D N, phường T, thành phố Hà Nội.

3.4/Ngân hàng TMCP S3 (SCB);

Người đại diện (văn bản ủy quyền số 280/UQ-SCB-TGĐ.25.00 ngày 17/09/2025):

-Ông Đặng Nhật Cát T2 (có mặt);

-Ông Nguyễn Minh T3 (có mặt);

-Ông Mai Thành L (có mặt);

Địa chỉ: A N, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5/Bà Hoàng Ngọc Cẩm H (vắng mặt);

Địa chỉ: 161 Trần Hữu Trang, phường Phú Nhuận,

Thành phố Hồ Chí Minh.

3.6/Bà Hà Thị Bích H1 (vắng mặt);

Địa chỉ: B tổ D, phường Y, thành phố Hà Nội.

3.7/Bà Nguyễn Thị Minh L1 (vắng mặt);

Địa chỉ: T, phường Đ, thành phố Hà Nội.

3.8/Ông Trần Đức C1 (vắng mặt);

Địa chỉ: căn hộ A, tháp A, Tòa NewSkyline, KĐT Văn Q, Y, phường H, thành phố Hà Nội.

3.9/Ông Bùi Quang T4 (vắng mặt);

Địa chỉ: căn hộ B, tòa nhà J, TTTM nhà ở cao tầng Hano VID, 430 phố C, phường H, thành phố Hà Nội.

(trong vụ án này, còn có những người tham gia tố tụng khác, nhưng họ không có kháng cáo, Tòa án không triệu tập).

4/Người bào chữa cho bị cáo Đinh Trường C:

Luật sư Huỳnh S, Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt);

Luật sư Nguyễn Sa L2, Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt);

Luật sư Nguyễn Thị Thanh T5, Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt);

Luật sư Nguyễn Hồng S1, Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt);

Luật sư Nguyễn Văn C2, Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt);

Luật sư Lê Hồng N4 Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt);

Luật sư Phạm Văn H2, Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt);

Luật sư Nguyễn Sơn T6, Đoàn Luật sư Thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1/Có 03 pháp nhân có liên quan trực tiếp đến vụ án:

1.1/Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên-Tổng Công ty Lương thực Miền N2 (V II):

Ngày 24/05/1995, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 311/TTg về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước đối với V II (địa chỉ: D C, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh).

Ngày 26/10/1995, Bộ K3 và Đầu tư cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109872 cho V II (ngành nghề kinh doanh: lĩnh vực lương thực, thực phẩm; vốn điều lệ 385.530.000.000 đồng: vốn cố định 282.437.000.000 đồng; vốn lưu động 101.093.000.000 đồng).

Ngày 15/2/2004, V II được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Doanh nghiệp Nhà nước thay đổi lần thứ 3.

Ngày 14/12/2005, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 333/QĐ-TTg, về việc thành lập Công ty mẹ-Tổng Công ty Lương thực Miền N2, xác định rằng V II là công ty 100% vốn Nhà nước.

Ngày 08/02/2007, V II được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước lần đầu (mã số doanh nghiệp: 4106000338; bổ sung thêm một số ngành nghề kinh doanh: kinh doanh bất động sản, kinh doanh khách sạn, nhà hàng Ă ...; vốn điều lệ tăng từ 385.530.000.000 đồng lên 1.258 tỷ đồng; người đại diện theo pháp luật là ông Trương Thanh P-Tổng Giám đốc).

Ngày 20/11/2009, V II được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty N7 thay đổi lần thứ 4 (thay đổi mã số doanh nghiệp từ 4106000338 thành 0300613198).

Ngày 30/03/2011, V II được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là Công ty TNHH Một thành viên, đổi tên,

từ V II thành Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên – V II (tăng vốn điều lệ từ 1.258 tỷ đồng lên 3.375 tỷ đồng).

Thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước của Chính phủ. Ngày 29/12/2017, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 2133/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ -V II, vốn điều lệ 5.000 tỷ đồng (cổ phần nhà nước chiếm 51%; cổ phần bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư thông thường: 22,97%; cổ phần bán ưu đãi cho người lao động: 0,99%; cổ phần bán cho Tổ chức Công đoàn tại doanh nghiệp: 0,04%; cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược 25%).

Ngày 09/10/2018, V II được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần (vốn điều lệ 5.000 tỷ đồng).

1.2/Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại-Quảng cáo-Xây dựng-Địa ốc V2 (công ty V2):

Công ty trách nhiệm hữu hạn V2 (địa chỉ: D Hồ V, phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh), đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 10/11/2006 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H; vốn điều lệ 1.600 tỷ đồng do 02 thành viên góp vốn: Đinh Trường C góp 1.440 tỷ đồng (chiếm 90%) và ông Phạm Thanh S2 góp 160 tỷ đồng (chiếm 10%); Đinh Trường C làm Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4102044775 ngày 10/11/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp.

Ngày 08/06/2010, công ty V2 đăng ký thay đổi lần thứ 6 (giấy CNĐKKD số 0304683887; vốn điều lệ 1.600 tỷ đồng, do Đinh Trường C góp 1.120 tỷ đồng (chiếm 70%), ông Trần Hữu P1 góp 480 tỷ đồng (chiếm 30%); Đinh Trường C làm Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật.

Ngày 30/11/2010, công ty V2 đăng ký thay đổi lần thứ 9 (giấy CNĐKKD số 0304683887, vốn điều lệ 1.600 tỷ đồng, do Đinh Trường C góp 1.120 tỷ đồng (chiếm 70%), ông Trần Hữu P1 góp 480 tỷ đồng (chiếm 30%); do bà Đinh Ngọc Châu H3 làm Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật.

Ngày 15/12/2011, công ty V2 đăng ký thay đổi lần thứ 10 (giấy CNĐKKD số 0304683887; vốn điều lệ 1.600 tỷ đồng: Đinh Trường C góp 960 tỷ đồng (chiếm 60%), ông Trần Hữu P1 góp 480 tỷ đồng (chiếm 30%), ông Nguyễn Duy K1 góp 160 tỷ đồng (chiếm 10%); bà Đinh Ngọc Châu H3 làm Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật.

Ngày 27/11/2013, Công ty V2 đăng ký thay đổi lần thứ 13 (giấy CNĐKKD số 0304683887; vốn điều lệ 1.600 tỷ đồng; Đinh Trường C góp 1.440 tỷ đồng (chiếm 90%), ông Nguyễn Duy K1 góp 160 tỷ đồng (chiếm 10%); do Đinh Ngọc Châu H3 làm Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật.

Ngày 30/05/2014, công ty V2 đăng ký thay đổi lần thứ 15, giữ nguyên vốn điều lệ 1.600 tỷ đồng, nhưng có thay đổi về thành viên góp vốn: có 07 thành viên góp vốn, gồm Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển H4 góp 624 tỷ đồng (chiếm 39%); Đinh Trường C góp 624 tỷ đồng (chiếm 39%); ông Nguyễn Duy K1 góp 160 tỷ đồng (chiếm 10%); ông Bùi Quang T4 góp 48 tỷ đồng (chiếm 03%); ông Trần Đức C1 góp 48 tỷ đồng (chiếm 03%); ông Nguyễn Thành N3 góp 48 tỷ đồng (chiếm 03%) và ông Trần Đ1 góp 48 tỷ đồng (chiếm 03%).

Công ty do bà Đinh Ngọc Châu H3 (em ruột của Đinh Trường C) làm Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật.

Ngày 08/05/2015, Công ty V2 chuyển trụ sở chính (từ địa chỉ: D Hồ V, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, về địa chỉ: B đường H, phường P, quận B, Thành phố Hà Nội).

Ngày 21/9/2016, Đinh Trường C chuyển nhượng toàn bộ 49% vốn vóp của mình tại Công ty V2 cho 02 công ty, gồm chuyển nhượng 29,4% vốn góp cho Công ty Cổ phần hạ tầng đầu tư phát triển N5 và chuyển nhượng 19,6% vốn góp cho Công ty Cổ phần Bất động sản H5. Như vậy, kể từ ngày 22/09/2016, Công ty V2 có 07 thành viên góp vốn, gồm Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển H4 **(1)** góp 624 tỷ đồng (chiếm 38%); Công ty Cổ phần Bất động sản H5 **(2)** góp 313,6 tỷ đồng (chiếm 19,6%); Công ty Cổ phần hạ tầng đầu tư phát triển N5 **(3)** góp 470,4 tỷ đồng (chiếm 29,4%); ông Bùi Quang T4 **(4)** góp 48 tỷ đồng (chiếm 03%); ông Nguyễn Thành N3 **(5)** góp 48 tỷ đồng (chiếm 03%); ông Trần Đức C1 **(6)** góp 48 tỷ đồng (chiếm 03%) và ông Trần Đ1 **(7)** góp 48 tỷ đồng (chiếm 03%) (Bút lục 2626-2769).

1.3/Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ xây dựng V3 (Công ty V3):

Công ty V3 (số D C, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0313539657 ngày 18/11/2015, vốn điều lệ 800 tỷ đồng: Công ty V2 góp 640 tỷ đồng (chiếm 80%) và Công ty V II góp 160 tỷ đồng (chiếm 20%), do Đinh Trường C làm Chủ tịch Hội đồng thành viên.

2/Về quá trình thực hiện tội phạm của các bị cáo:

Quá trình thực hiện tội phạm của các bị cáo là quá trình góp vốn, thoái vốn và chuyển nhượng quyền sử dụng (QSD) nhà, đất tại số C N và số C; D C, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh trái pháp luật;

Quá trình đó diễn ra như sau:

2.1/Sau ngày 30/04/1975, Ủy ban Quân quản Thành phố S tạm cấp nhà, đất tại số C C và tại số C N (tổng diện tích là 6.274,5m^2) cho Ban L3 và một số cá nhân (là những cán bộ trong chiến khu) để ở.

Vào năm 1977, Bộ L4 và Thực phẩm giao khu đất nói trên cho Tổng Công ty Lúa gạo Miền Nam (sau đổi thành Tổng Công ty Lương thực Miền N2, là V II) quản lý, sử dụng (làm Văn phòng và nhà ở tập thể cho cán bộ, nhân viên).

Thực hiện việc xử lý, sắp xếp lại nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (theo Quyết định số 80/2001/QĐ-TTg ngày 24/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ), V II lập thủ tục (và được phê duyệt làm chủ đầu tư), để chuyển mục đích sử dụng đất (từ sản xuất kinh doanh thành xây dựng cao ốc văn phòng và nhà ở cao tầng), để bán và cho thuê.

Vào năm 2005, Ủy ban nhân dân Thành phố H (U) phê duyệt giá bán chỉ định khu đất là 368 tỷ đồng, nhưng V II không nộp tiền sử dụng đất, không lập phương án di chuyển các hộ dân đang ở đây và không thực hiện thủ tục đầu tư.

Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg (quy định về việc sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước, thay cho

Quyết định số 80/2001/QĐ-TTg ngày 24/5/2001), V II đề nghị được tiếp tục thực hiện việc mua chỉ định các cơ sở nhà đất này; U chấp thuận chủ trương (lần 2), giao cho Sở T10 xác định lại giá bán chỉ định theo giá thị trường. Đến năm 2008, U phê duyệt giá bán chỉ định quyền sử dụng đất và công trình xây dựng tại cơ sở nhà đất này, là 633.553.909.600 đồng, để V II nộp vào ngân sách Tp . (khi chuyển mục đích sử dụng đất làm khách sạn cao cấp, cao ốc văn phòng và trung tâm thương mại).

Vào ngày 13/11/2008, V II nộp tiền sử dụng đất 633.553.909.600 đồng vào tài khoản tạm giữ (của V II) tại Kho bạc Thành phố *(từ tiền vay của Ngân hàng B).* Ngày 16/02/2009, V II nộp 36.746.126.757 đồng tiền phạt (*từ vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của V II*) do chậm nộp tiền sử dụng đất, vào ngân sách Tp . (theo yêu cầu của Sở T10) .

Vào ngày 11/9/2010, mặc dù V II chưa lập dự án đầu tư và phương án bồi thường (để di chuyển 34 hộ gia đình đang cư trú trong khuôn viên 04 cơ sở nhà, đất nói trên đi nơi khác), nhưng Sở T11 (thừa ủy quyền của Chủ tịch U) đã cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (số BB971073), (mục đích sử dụng đất: đất cơ sở sản xuất kinh doanh) cho V II, thời hạn giao đất là 50 năm (để lập Dự án xây dựng khách sạn, văn phòng, trung tâm thương mại). Sau khi đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ, V II cũng không xây dựng phương án di dời các hộ dân và không triển khai thực hiện dự án.

Vào ngày 07/11/2013, Văn phòng C4 có văn bản số 9405/VPCP-KTTH, thông báo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, yêu cầu V II lập phương án tổng thể về việc di dời các hộ dân, trình cấp thẩm quyền phê duyệt. Vì vậy, vào ngày 10/11/2014, V II lập Phương án số 235/TCT-HĐTV, nhưng vẫn đề cập đến việc di dời các hộ gia đình đang sống tại 04 cơ sở nhà đất nói trên.

Tiếp đó, đến ngày 19/01/2015, V II ra Văn bản số 164/TCT-KT-XDCB, kiến nghị Bộ T12 và U cho phép chuyển từ hình thức "*Tổng Công ty trực tiếp đầu tư dự án*" sang phương án "*Bán tài sản và chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thu hồi vốn, theo chỉ đạo của Chính phủ yêu cầu các tập đoàn kinh tế, Tổng Công ty Nhà nước không đầu tư ngoài ngành"*.

2.2/Trong khi chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, thì vào ngày 05/02/2015, Hội đồng thành viên V II ra Nghị quyết số 01/NQ-HĐTV có nội dung: *thống nhất chủ trương cho phép liên kết với Công ty V2 thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn 02 thành viên theo tỷ lệ V II góp 20% vốn bằng toàn bộ giá trị tài sản trên đất và một phần giá trị quyền sử dụng đất; Công ty V2 góp 80% bằng tiền mặt; sau khi được chấp thuận của các cơ quan chủ quản cấp trên, trong vòng 03 ngày, Công ty V2 phải chuyển đủ 100% tiền chuyển nhượng nhà đất (giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất), V II sẽ thoái 20% vốn ngay sau khi có phê duyệt của cấp có thẩm quyền cho phép*.

Ngày 11/02/2015, Hội đồng thành viên V II ra văn bản số 29/TCT-HĐTV gửi Bộ N8, đề nghị chấp thuận (hoặc trình Thủ tướng chấp thuận) chủ trương cho phép V II được dùng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, để góp vốn thành lập Công ty TNHH 02 thành viên với đối tác là Công ty V2, để tiếp tục thực hiện Dự án đã được phê duyệt, chuyển chủ đầu tư và chuyển quyền sử dụng đất, nhằm thu hồi vốn đầu tư. Vào ngày 10/03/2015, Bộ N8 có Văn bản số

2039/BNN-QLDN báo cáo Thủ tướng xem xét, quyết định theo phương án thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn 02 thành viên của V II.

Ngày 17/8/2015, V II thuê Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam lập Chứng thư thẩm định giá số Vc/08/23/TS, xác định tổng giá trị nhà đất là 704.479.940.000 đồng, làm cơ sở để chuyển nhượng tài sản.

Ngày 15/9/2015, Văn phòng C4 có văn bản số 1647/TTg-KTN, truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Hoàng Trung H4 như sau: "*Đồng ý về nguyên tắc: (1) Thực hiện phương án sắp xếp lại cơ sở nhà, đất theo quyết định số 09/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với 04 cơ sở nhà, đất; (2) Bộ N8 chịu trách nhiệm toàn diện chỉ đạo Tổng Công ty trong việc lựa chọn đối tác bảo đảm đủ năng lực thực hiện dự án tại 04 khu nhà, đất này;(3) Thực hiện việc thoái vốn tại Dự án nêu trên trong năm 2015, bảo đảm quản lý chặt chẽ, không để thất thoát tài sản Nhà nước; (4) UBND Thành phố chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp trong việc giải phóng mặt bằng của Dự án nêu trên và triển khai Dự án theo quy định pháp luật*".

Sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, V II vẫn không lập phương án sắp xếp lại 04 cơ sở nhà, đất nói trên, để trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và quyết định. Bên cạnh đó, V II cũng không lập thủ tục liên kết, góp vốn trình Bộ N8 và Bộ T12 thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

Ngày 05/10/2015, Tổng Giám đốc Huỳnh Thế N1 ký văn bản số 2983/TCT-VP gửi Hội đồng thành viên V II, trình Hội đồng thành viên phê duyệt các nội dung: *"Giá trị quyền sử dụng đất và giá trị tài sản trên đất theo giá thị trường của khu đất khi góp vào Công ty TNHH 02 thành viên hợp tác giữa Tổng công ty và Công ty V2 là 730 tỷ; Tổng công ty Lương thực Miền N2 sẽ đứng ra lập Phương án di dời 34 hộ dân còn đang cư ngụ trên đất để trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt…Công ty V2 sẽ hỗ trợ Tổng công ty trong việc liên hệ các cơ quan trung ương xin cấp kinh phí di dời để giải phóng mặt bằng. Công ty V2 sẽ ứng trước tiền để di dời các hộ dân…phần chi phí chênh lệch giữa chi phí đền bù thực tế và chi phí đền bù được duyệt của việc giải phóng mặt bằng này nếu có sẽ do Công ty V2 chịu. Hội đồng thành viên có Nghị quyết về thoái vốn Tổng công ty ra khỏi Công ty TNHH 02 thành viên…"*.

Ngày 22/10/2015, do sự đề nghị của Tổng Giám đốc Huỳnh Thế N1, Hội đồng thành viên V II ban hành Nghị quyết số 05/NQ-HĐTV, thay đổi toàn bộ nội dung của Nghị quyết số 01/NQ-HĐTV ngày 05/02/2015 đã trình Bộ N8 và Bộ T12 trước đây, nội dung cụ thể như sau: "*Tổng Công ty căn cứ giá Chứng thư thẩm định giá số Vc/08/23/TS, để phê duyệt giá trị 04 cơ sở nhà, đất là 730 tỷ đồng và quyết định bán chuyển nhượng 04 cơ sở nhà đất này cho Công ty V2 và cam kết khi thành lập Công ty TNHH 02 thành viên, Tổng Công ty sẽ góp 20% vốn điều lệ; Tổng Công ty sẽ đứng ra lập phương án di dời các hộ dân để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; sau đó trình Bộ T12 xin được cấp kinh phí thực hiện di dời từ nguồn tiền trong tài khoản tạm giữ của Tổng Công ty V II; Công ty V2 sẽ hỗ trợ Tổng Công ty liên hệ các cơ quan Trung ương xin cấp kinh phí di dời để giải phóng mặt bằng*".

Ngày 12/11/2015, Huỳnh Thế N1 (là Tổng Giám đốc) đại diện Công ty V II và Đinh Trường C (là Chủ tịch Hội đồng thành viên), đại diện Công ty V II, ký kết Hợp đồng hợp tác số 001/HĐHT-2015, thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn 02 thành viên theo hình thức liên kết, góp vốn *(thay đổi hình thức liên kết so với các báo cáo trước đây mà V II đã gửi Bộ N8 và Thủ tướng Chính phủ)*, cụ thể là: V II góp 160 tỷ đồng, (tương đương 20% vốn, bằng toàn bộ giá trị tài sản trên đất và một phần giá trị quyền sử dụng đất của khu đất) và Công ty V2 góp 640 tỷ (tương đương 80% vốn) bằng tiền mặt; V II có quyền yêu cầu Công ty V2 mua lại phần vốn góp của V II; hai bên thống nhất tiến trình chuyển nhượng phần vốn góp của V II như sau: lần 1 vào tháng 11/2015, tỷ lệ 80%, số tiền 570 tỷ đồng; lần 2, vào tháng 12/2015, số tiền 160 tỷ đồng.

Ngày 18/11/2015, Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu (số C) cho Công ty TNHH V3 (Công ty V3), trong đó V II góp bằng tiền mặt là 160 tỷ đồng (20%), Công ty V2 góp bằng tiền mặt là 640 tỷ đồng (80%), do Đinh Trường C làm Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Mặc dù U, Bộ T12, Bộ N8 có nhiều văn bản hướng dẫn và yêu cầu V II phải xây dựng phương án thoái phần vốn góp tại Công ty V3 theo Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước ngày 26/11/2014 (và Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015) để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng V II không làm.

Ngày 25/11/2015, Huỳnh Thế N1, đại diện V II và Đinh Trường C, đại diện Công ty V3, ký hợp đồng chuyển nhượng một phần giá trị quyền sử dụng đất (QSDĐ) của 04 cơ sở nhà, đất nói trên, cho Công ty V3; Đinh Trường C, đại diện Công ty V3, đã dùng số tiền góp vốn điều lệ trong Công ty V3, để mua với giá 570 tỷ đồng, hình thức là chuyển khoản ngân hàng, theo Giấy báo có của Ngân hàng H6-Chi nhánh Thành phố H, với nội dung *"Công ty TNHH V3 thanh toán tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại 33 N và 34-36-42 Chu Mạnh T7"*.

Sau khi nhận tiền chuyển nhượng 04 cơ sở nhà đất nói trên, thì vào ngày 02/12/2015, V II mới ra Văn bản số 239/TCT-HĐTV, báo cáo Bộ N8 về việc ký Hợp đồng hợp tác số 001/HĐHT-2015 ngày 12/11/2015 với Công ty V2 và đề nghị Bộ X, chấp thuận chủ trương cho thoái vốn (20%) đã góp (trong thực tế, V II đã thực hiện điều này từ ngày 25/11/2015, theo hợp đồng nói trên).

Ngày 11/12/2015, Bộ N8 có Văn bản số 10022/BNN-QLDN trả lời đề nghị của V II, nội dung như sau: "*Hội đồng thành viên V II phải xây dựng phương án thoái phần vốn góp tại Công ty TNHH V3 theo Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước số 69/2014/QH13 và Nghị định số 91/2915/NĐ-CP về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp*".

Cùng ngày 11/12/2015, V II trình Bộ N8 Văn bản số 4089/VP-TCT có nhan đề là "*Phương án thoái vốn"*, nhưng nội dung là báo cáo việc V II đã chuyển nhượng cho Công ty V3 toàn bộ phần còn lại QSDĐ của 04 cơ sở nhà, đất, đã nhận 570 tỷ đồng và đã bàn giao Giấy chứng nhận quyền QSDĐ cho Công ty V3 và cũng báo cáo việc xảy ra vào ngày 02/12/2015 (sự việc V II và Công ty V2 đã ký Biên bản thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần vốn góp của V II trị giá 160 tỷ đồng trong Công ty V3, cho Công ty V2).

Ngày 17/12/2015, Bộ N8 có Văn bản số 10204/BNN-QLDN trả lời đề nghị của V II về việc xin thoái vốn tại Văn bản số 239/TCT-HĐTV ngày 02/12/2015 và Phương án thoái vốn tại Văn bản số 4089/VP-TCT ngày 11/12/2015 với nội dung như sau: *"V II thực hiện thoái phần vốn góp tại Công ty V3 theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 1649/TTg-KTN ngày 15/9/2015 và Văn bản số 10022/BNN-QLDN ngày 11/12/2015 của Bộ N8; Đảm bảo quản lý chặt chẽ, không để thất thoát tài sản theo quy định của Nhà nước"*.

Ngày 22/12/2015, V II ký Hợp đồng dịch vụ thẩm định giá với Công ty Cổ phần T9, xác định giá trị doanh nghiệp Công ty V3, làm cơ sở để thoái vốn. Ngày 23/12/2015, Huỳnh Thế N1, đại diện V II, ký kết Hợp đồng góp vốn và chuyển nhượng quyền sử dụng đất với Đinh Trường C, đại diện Công ty V3, tại Phòng C5 (số B, quyển số 12 TP/CC-SCC/HĐGĐ), nhưng không thông báo việc các bên, trong thực tế, đã thực hiện xong giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng khu đất nói trên.

Ngày 28/12/2015, Công ty Cổ phần T9 lập Chứng thư thẩm định giá số Vcl5/12/31/DN xác định "*Tổng giá trị thực tế doanh nghiệp hoạt động của Công ty V3 tại thời điểm ngày 25/12/2015 là 800 tỷ đồng, trong đó phần vốn góp của V II bằng 20%, là 160 tỷ đồng*".

Ngày 29/12/2015, Huỳnh Thế N1-Tổng Giám đốc V II có văn bản số 4314/TCT-BĐH gửi Hội đồng thành viên V II đề nghị phê duyệt nội dung chuyển nhượng vốn góp (gọi là thoái vốn) cho Công ty V2. Cùng ngày, Huỳnh Thế N1 đại diện V II và Đinh Trường C đại diện Công ty V2 ký Biên bản thỏa thuận số 10/TCT-BĐH chuyển nhượng phần vốn góp 20% của V II, ngang giá là 160 tỷ đồng cho Công ty V2, thanh toán tiền chuyển nhượng ngay sau ký Biên bản này (Bút lục 5801-5803).

Ngày 30/12/2015, Hội đồng thành viên V II có văn bản số 266/TCT-HĐTV phê duyệt giá chuyển nhượng 20% vốn góp tại Công ty V3 là 160 tỷ đồng. Đồng thời, Huỳnh Thế N1 đại diện V II ký Hợp đồng bán hết phần vốn góp bằng tiền mặt 160 tỷ đồng của V II tại Công ty V3 cho Đinh Trường C đại diện Công ty V2 (tự gọi là thoái vốn) khi chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Tính đến lúc này, V II đã hoàn thành việc bán toàn bộ nhà đất tại số C N và số C C, Quận A, Tp . cho Công ty V2, mà không thông qua hình thức đấu giá (bút lục 5805-5808).

Ngày 07/01/2016, Huỳnh Thế N1 đại diện V II có các văn bản số 62/TCT-KHCL và số 63/TCT-KHCL báo cáo Bộ T12, Bộ N8 kết quả thoái vốn.

Ngày 25/01/2016, Huỳnh Thế N1 đại diện V II và Đinh Trường C đại diện V2 thực hiện ký lại Hợp đồng chuyển nhượng ngang giá 20% vốn góp của V II tại Công ty V3 là 160 tỷ đồng cho Công ty V2 (nội dung như hợp đồng đã ký ngày 30/12/2015). Cùng ngày, Đinh Trường C ký giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp nộp Sở Kế hoạch và Đầu tư, xin chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên T9 chủ sở hữu, vốn tư nhân.

Ngày 29/01/2016, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (GCNĐKKD) số 0313539657, thay đổi lần thứ 1 cho Công ty V3, thành Công ty TNHH một thành viên (không còn V II góp vốn nữa), nhưng vẫn

giữ tên là Công ty V3 và giữ nguyên vốn điều lệ là 800 tỷ đồng, do Đinh Trường C làm người đại diện theo pháp luật.

2.3/Ngày 30/01/2016, (sau 01 ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 1), Đinh Trường C, đại diện Công ty V2, đã ký Hợp đồng chuyển nhượng 99% vốn góp tại Công ty V3 cho bà Hoàng Ngọc Cẩm H, bằng đúng giá ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tương đương 792 tỷ đồng .

Ngày 02/02/2016 (sau 02 ngày ký hợp đồng chuyển nhượng vốn), Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thay đổi Công ty V3 từ Công ty 01 thành viên thành Công ty 02 thành viên, gồm bà Hoàng Ngọc Cẩm H, vốn góp 792 tỷ đồng (chiếm 99%) và Công ty V2, vốn góp 08 tỷ đồng (chiếm 01%).

Cùng ngày 02/02/2016, bà Hoàng Ngọc Cẩm H ký kết hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 03/2016/HĐCNVG/VH-SG, để chuyển nhượng toàn bộ 99% vốn góp của mình (tại Công ty V3) cho Công ty B3 (do bà Nguyễn Thị Phi O-Chủ tịch Hội đồng quản trị làm đại diện theo pháp luật), với giá 1.980 tỷ đồng, nhằm mục đích để cho Công ty B3 dùng hợp đồng này, vay 1.683 tỷ đồng của Ngân hàng H6, rồi chuyển trả cho bà Hoàng Ngọc Cẩm H (giá 1.683 tỷ đồng là giá chuyển nhượng thực tế giữa hai bên).

Ngày 04/02/2016, bà Hoàng Ngọc Cẩm H và bà Nguyễn Thị Phi O, đại diện Công ty B3, ký Phụ lục số 02 về việc sửa đổi một số điều của hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 03/2016/HĐCNVG/VH-SG, giảm giá chuyển nhượng, từ 1.980 tỷ đồng giảm xuống, còn 1.683 tỷ đồng.

Ngày 25/03/2016, V II và Công ty V2 nộp Hợp đồng góp vốn và chuyển nhượng quyền sử dụng đất (04 cơ sở nhà, đất nói trên) để xin đăng ký biến động quyền SDĐ và đăng ký thay đổi thành viên góp vốn, nhưng không báo việc V II đã bán hết phần vốn góp cho Công ty V2. Vào cùng ngày 25/03/2016, Văn phòng Đ3 ký xác nhận nội dung đăng ký biến động (quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất chuyển sang cho V3).

Ngày 23/01/2017, ông Bùi Quang T4-Tổng Giám đốc, đại diện Công ty V2, ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 02/HĐCNVG.VIETHANSAIGON với Công ty Cổ phần Sài Gòn D do ông Nguyễn Bảo K2-Tổng giám đốc làm đại diện, chuyển nhượng 01%, tương đương 08 tỷ đồng vốn điều lệ tại Công ty V3, với giá 22,5 tỷ; ông Cao Minh T8-Chủ tịch Hội đồng quản trị, đại diện Công ty B3 ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 03/HĐCNVG.VIETHANSAIGON với Công ty Cổ phần đầu tư B4 do bà Trương Thị Cẩm G-Tổng Giám đốc làm đại diện, chuyển nhượng 40%, tương đương 320 tỷ đồng vốn tại Công ty V3, với giá 900 tỷ đồng; ông Cao Minh T8-Chủ tịch Hội đồng quản trị, đại diện Công ty B3 ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 04/HĐCNVG.VIETHANSAIGON với Công ty Cổ phần Sài Gòn D do ông Nguyễn Bảo K2-Tổng Giám đốc làm đại diện, chuyển nhượng 59%, tương đương 472 tỷ đồng vốn tại Công ty V3, với giá 1.372,5 tỷ đồng.

Sau khi chuyển nhượng, Công ty V3, do bà Trương Thị Cẩm G làm đại diện theo pháp luật, thì khu đất nói trên đã nhiều lần được thế chấp, vay tiền,

tổng cộng 27.480.248.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP S3 (SCB), bằng 27 hợp đồng tín dụng.

2.4/Sở Tài nguyên và Môi trường T13.HCM đã ban hành các Quyết định số 503/QĐ-STNMT ngày 14/05/2021, số 570/QĐ-STNMT ngày 28/05/2021 và số 596/QĐ-STNMT ngày 31/05/2021, thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ và tài sản gắn liền với đất, tại số C N và tại số C và D C, phường B, Quận A, nhưng chưa thực hiện được, vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đang thế chấp tại SCB.

Ngày 23/08/2022, U ban hành Quyết định số 2834/QĐ-UBND, về việc thu hồi 6.274,5m^2 đất thuộc thửa số 6, tờ bản đồ số 17 tại số C N, số C và D C, phường B, Quận A, chiếu theo Điểm d Khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai năm 2013 ("*Đất không được chuyển nhượng, tặng cho theo quy định của Luật này mà nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho ...*"). Hiện nay, toàn bộ khu đất nói trên đã giao cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất Tp . quản lý.

3/Những kết quả giám định:

3.1/Kết luận giám định tư pháp ngày 19/04/2019 của Bộ T14 xác định: *"Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số BB 971073 vào ngày 11/09/2010 là đúng quy định của pháp luật*".

3.2/Kết luận giám định tư pháp ngày 15/10/2019 của Bộ T12 xác định việc V II chuyển nhượng phần lớn giá trị quyền sử dụng đất còn lại cho Công ty V2 là trái với chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 1647/TTg-KTN ngày 15/09/2015 và ý kiến của Bộ N8 tại văn bản số 7887/BNN-QLDN, cụ thể:

Tại mục 4.2.3, kết luận: "*Như vậy, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ thì đây là hình thức lựa chọn đối tác hợp tác để thực hiện dự án, sau đó thực hiện thoái vốn theo quy định của pháp luật; không phải là hoạt động bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất"*.

Tại điểm đ mục 4.2.3.2, kết luận: "*... phần lớn giá trị sử dụng đất còn lại được Tổng công ty V II thực hiện chuyển nhượng là không đúng với chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 1647/TTg-KTN ngày 15/09/2015 và ý kiến của Bộ N8 tại văn bản số 7887/BNN-QLDN"*.

3.3/Kết luận giám định tư pháp ngày 14/02/2023 của Bộ T12, đã xác định một số nội dung liên quan như sau:

Về nội dung chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ đối với việc V II sử dụng giá trị tài sản trên đất và giá trị quyền sử dụng đất để hợp tác, góp vốn với Công ty V2 (nêu tại mục 1.2.2 của bản Kết luận giám định) *"... Như vậy, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ thì đây là hình thức lựa chọn đối tác hợp tác để thực hiện dự án, sau đó thực hiện thoái vốn theo quy định của pháp luật; không phải là hoạt động bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất"*.

Kết quả thẩm định giá theo Chứng thư thẩm thẩm định giá số Vc 15/08/23/TS ngày 17/08/2015, Báo cáo kết quả thẩm định giá số Vc 15/08/23/TS ngày 18/08/2015 của Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá miền N, đối với 04 cơ sở nhà, đất nêu trên *(đây là chứng thư được V II sử dụng để tham khảo về giá trị quyền sử dụng đất, trong quá trình thực hiện góp vốn, thoái vốn và chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Công ty V2)* có nhiều nội

dung không chính xác, không đúng quy định của pháp luật (nêu tại mục II của bản Kết luận giám định), cụ thể:

Vi phạm về trình tự thủ tục: *"... Báo cáo kết quả thẩm định giá phải được lập trước Chứng thư thẩm định giá. Theo đó, trong trường hợp ngày lập Báo cáo kết quả thẩm định giá số Vc 15/08/23/TS ngày 18/08/2015 thì Báo cáo kết quả thẩm định giá này chưa tuân thủ quy định tại khoản 16, khoản 17 Điều 4 Luật giá, quy định về Báo cáo kết quả thẩm định giá, Chứng thư thẩm định giá"*.

Vi phạm trong việc thu thập thông tin tài sản so sánh*: "... Trang 4/45 có ghi Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh (khách sạn, cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại)...Tuy nhiên, tại trang 26/45, khi phân tích bất động sản so sánh, báo cáo chỉ thể hiện việc thu thập thông tin "đơn giá bán, thuê văn phòng" không đề cập đến việc thu thập thông tin của bất động sản so sánh là khách sạn, trung tâm thương mại"*.

Vi phạm trong việc đưa ra các chỉ tiêu sử dụng đất: *"Trang 27/45 có ghi các chỉ tiêu về cơ cấu sử dụng đất và diện tích sàn xây dựng, trong đó có 03 tầng hầm, tuy nhiên không có tài liệu hay căn cứ ... Trường hợp không có tài liệu hay căn cứ, lập luận về việc xây dựng tầng hầm thì chưa tuân thủ quy định tại Bước 1, khoản 5; khoản 6 Tiêu chuẩn số 10 (ban hành kèm theo Quyết định số 129/2008/QĐ-BTC)"*.

Vi phạm trong việc áp dụng đơn giá xây dựng cơ sở hạ tầng: *"Trang 28/45 có trình bày nội dung đơn giá xây dựng cơ sở hạ tầng căn cứ theo các Quyết định số 66/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 ban hành biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; ... sử dụng đơn giá xây dựng của trụ sở văn phòng làm việc để ước tính cho đơn giá của tài sản thẩm định giá với mục đích sử dụng là khách sạn, cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại. Đồng thời, không có nội dung thể hiện so sánh với mặt bằng giá thị trường tại thời điểm thẩm định giá theo quy định tại khoản 7 Tiêu chuẩn số 10 (ban hành kèm theo Quyết định số 129/2008/QĐ-BTC"*.

Vi phạm trong việc xác định tỷ lệ thương phẩm (tỷ lệ lấp đầy khi kinh doanh): *"Trang 29/45 có ghi tỷ lệ thương phẩm của khu thương mại-văn phòng vài bãi xe là 70% ... tuy nhiên không có biện luận về việc xác định các tỷ lệ này căn cứ vào những quy định nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ... là chưa tuân thủ quy định tại Bước 1, khoản 5; khoản 6 Tiêu chuẩn số 10 (ban hành kèm theo Quyết định số 129/2008/QĐ-BTC)"*;

Vi phạm trong việc xác định thời gian, tiến độ thi công dự án: *"Trang 30/45 có ghi tiến độ thi công của đầu tư cơ sở hạ tầng và xây dựng, thiết bị (năm 2015 là 40%, năm 2016 là 40%, năm 2017 là 20%), tuy nhiên không có biện luận về việc xác định tiến độ xây dựng dựa vào quy định nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền...thì chưa tuân thủ quy định tại Bước 1, khoản 5 Tiêu chuẩn số 10 (ban hành kèm theo Quyết định số 129/2008/QĐ-BTC)"*.

3.4/Kết luận giám định số 01/KLGĐ-CĐKDLTTĐĐ ngày 16/05/2023 của Bộ T14 xác định: *"... việc góp vốn đối với một phần quyền sử dụng đất, việc chuyển nhượng toàn bộ phần còn lại của quyền sử dụng thửa đất giữa Công ty TNHH Một thành viên V II với Công ty TNHH V3 là không phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai năm 2013"*.

3.5/Kết luận giám định số 7563/KL-KTHS ngày 28/07/2023 của Phòng K4 Công an Thành phố H, xác định chữ ký của Phạm Hoàng H5-Chủ tịch HĐTV, Huỳnh Thế N1-Tổng Giám đốc, Vũ Bá V-Thành viên HĐTV, Nguyễn Ngọc N4-Thành viên HĐTV và Trương Văn Ả-Thành viên HĐTV trên các tài liệu, gồm Văn bản số 306/TCT-KTXDCB ngày 04/02/2015; Biên bản họp Hội đồng thành viên Nam số 01/BB-HĐTV ngày 05/02/2015; Nghị quyết số 01/NQ-HĐTV ngày 05/02/2015 của Hội đồng thành viên; Văn bản số 2983/TCT-VP ngày 05/10/2015; Biên bản họp Hội đồng thành viên số 10/BB-HĐTV ngày 16/10/2015; Nghị quyết số 05/NQ-HĐTV ngày 22/10/2015 của Hội đồng thành viên; Hợp đồng góp vốn và chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 28355/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/12/2015, do Huỳnh Thế N1 đại diện V II với Đinh Trường C đại diện Công ty V3 là "*chữ ký của Phạm Hoàng H5, Huỳnh Thế N1, Vũ Bá V, Nguyễn Ngọc N4 và Trương Văn Ả*".

3.6/Kết luận giám định số 7740/KL-KTHS ngày 02/7/2024 của Phòng K4 Công an Thành phố H xác định chữ viết, chữ ký tên Hoàng Ngọc Cẩm H trên Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 2016/HĐCNVG/VH-SG ngày 30/01/2016 giữa Công ty V2 với bà Hoàng Ngọc Cẩm H; Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 03/2016/HĐCNVG/VH-SG ngày 02/02/2016 giữa bà Hoàng Ngọc Cẩm H với Công ty B3; Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 02/02/2016 (của Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 03/2016/HĐCNVG/VH-SG ngày 02/02/2016); Phụ lục hợp đồng số 02 (V/v sửa đổi một số điều của hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 03/2016/HĐCNVG/VH-SG ngày 02/02/2016); 08 Giấy lĩnh tiền mặt và 05 Séc rút tiền là cùng 01 người ký và viết ra.

4/Về việc xác định thiệt hại trong vụ án:

Kết quả điều tra xác định rằng vào ngày 30/12/2015, sau khi nhận chuyển nhượng của V II toàn bộ 04 cơ sở nhà, đất nói trên, thì vào ngày 02/02/2016 (sau đó 33 ngày), Đinh Trường C đã chuyển nhượng 99% vốn góp tại V3, cho Công ty Cổ phần B3 với giá 1.683 tỷ đồng (như vậy, 100% vốn góp sẽ tương ứng là 1.700 tỷ đồng) thông qua bên trung gian là bà Hoàng Ngọc Cẩm H (là người em họ của bị cáo C). Để che giấu lợi nhuận thu được, bị cáo C đã thực hiện như sau: Công ty V2 chuyển nhượng 99% vốn góp cho bà H với giá 792 tỷ đồng; bà H chuyển nhượng lại 99% vốn góp cho Công ty Cổ phần B3 với giá 1.683 tỷ đồng; rồi tiếp sau đó, toàn bộ số tiền chuyển nhượng quay trở lại tài khoản của bị cáo C; số tiền chênh lệch được hưởng lợi là [(1.683 tỷ đồng = 99% giá trị khu đất Công ty V2 chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần B3 vào ngày 02/02/2016 + 17 tỷ đồng = là 1% giá trị khu đất còn lại) - 730 tỷ đồng là tiền Công ty V2 đã thanh toán cho V II vào ngày 25/11/2015 và ngày 31/12/2015] = 970 tỷ đồng.

Như vậy, giá trị của nhà, đất số C đường N và số C, D C, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo giá mà hai bên giao dịch vào tháng 12/2015, là 1.700 tỷ đồng; số tiền đã gây thất thoát, lãng phí tài sản của Nhà nước, xác định là 970 tỷ đồng.

Tại bản Cáo trạng số 511/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 21/07/2025, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Đinh Trường C, bị cáo Huỳnh Thế N1 và bị cáo Nguyễn Thọ T1 cùng về tội "*Vi phạm quy định về quản*

lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí" theo Khoản 3 Điều 219 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 660/2025/HS-ST ngày 25/09/2025, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử như sau:

Áp dụng Khoản 3 Điều 219; Điều 17; Điều 58; Điểm s, b và v Khoản 1; Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

-Xử phạt bị cáo Đinh Trường C 13 (mười ba) năm tù về tội "*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*"; thời hạn tù tính từ ngày 26/10/2023;

Áp dụng Khoản 3 Điều 219; Điều 17; Điều 58; Điểm b, s, v và x Khoản 1; Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

-Xử phạt bị cáo Huỳnh Thế N1 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*"; thời hạn tù tính từ ngày 05/12/2023;

Áp dụng Khoản 3 Điều 219; Điều 17; Điều 58; Điểm b, s và v Khoản 1; Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

-Xử phạt bị cáo Nguyễn Thọ T1 06 (sáu) năm tù về tội "*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*"; thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2025.

Áp dụng Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

-Buộc bị cáo Đinh Trường C nộp lại số tiền 970.000.000.000 đồng để tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước.

-Hủy "*Hợp đồng góp vốn và chuyển nhượng quyền sử dụng đất"* ngày 23/12/2015 ký kết giữa công ty TNHH Một thành viên V II và công ty TNHH V3 (công chứng tại Phòng C5-Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 23/12/2015, số công chứng: 28355) và hủy "*Hợp đồng chuyển nhượng vốn*" ngày 30/12/2015 ký kết giữa công ty TNHH Một thành viên V II và công ty TNHH V2.

Hội đồng xét xử kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố H và Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố H thực hiện các thủ tục thu hồi đối với các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Quyết định số 2834/QĐ-UBND ngày 23/8/2022, về việc thu hồi 6.274,5m2 đất thuộc Thửa số 6, Tờ bản đồ số 17 tại số C đường N, số C và D đường C, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật về đất đai.

Đối với quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ, giao dịch (chuyển nhượng, thế chấp,...) liên quan đến 04 cơ sở nhà, đất số C đường N và số 34, 36, 42 đường C, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường S, Thành phố Hồ Chí Minh) sẽ được giải quyết theo trình tự tố tụng khác nếu các bên có tranh chấp.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.400.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Đinh Trường C.

Tiếp tục duy trì việc ngăn chặn giao dịch, chuyển nhượng đối với các tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo Đinh Trường C để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Đinh Trường C theo các văn bản, cụ thể:

Văn bản số 398/PA09- Đ3 ngày 08/03/2024 gửi Công ty CP T9 và Kinh doanh nhà và văn bản số 426/PA09- Đ3 ngày 12/02/2024 gửi Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố H của Cơ quan An ninh điều tra – Công an Thành phố H.

Văn bản số 3631/ANĐT- Đ3, số 3634/ANĐT- Đ3, số 3637/ANĐT- Đ3, số 3640/ANĐT- Đ3, số 3642/ANĐT- Đ3, số 3643/ANĐT- Đ3, 3644/ANĐT- Đ3 số 3647/ANĐT- Đ3 ngày 08/11/2023 gửi đến: Sở T15, Ngân hàng N9, Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố H, Sở Tài Nguyên và Môi trường Thành phố H, Ngân hàng N9 - Chi nhánh Thành phố H, Cục C6 Bộ C7, Bộ T14, Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố H của Cơ quan An ninh điều tra - Công an Thành phố H.

Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan An ninh điều tra - Công an Thành phố H giải quyết theo thẩm quyền: đối với việc ngăn chặn giao dịch tài sản của các bị cáo Huỳnh Thế N1, Nguyễn Thọ T1 và các cá nhân, tổ chức là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác theo Văn bản số 398/PA09- Đ3 ngày 08/03/2024 gửi Công ty CP T9 và Kinh doanh nhà, văn bản số 426/PA09- Đ3 ngày 12/02/2024 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an Thành phố H, văn bản số 3631/ANĐT-Đ3, số 3634/ANĐT-Đ3, số 3637/ANĐT-Đ3, số 3640/ANĐT-Đ3, số 3642/ANĐT-Đ3, số 3643/ANĐT-Đ3, 3644/ANĐT-Đ3 số 3647/ANĐT-Đ3 ngày 08/11/2023 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an Thành phố H.

Ngoài những vấn đề nói trên, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Vào ngày 29/09/2025, bị cáo C có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại vụ án và xem xét giảm nhẹ hình phạt;

Vào ngày 06/10/2025, ngân hàng TMCP S3 (SCB) có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại việc Tòa án cấp sơ thẩm hủy bỏ những hợp đồng sau đây: (1)hợp đồng góp vốn và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký kết vào ngày 23/12/2015 giữa V II (bên chuyển nhượng) và công ty V3 (bên nhận chuyển nhượng); (2)hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ký kết vào ngày 30/12/2015 giữa V II (bên chuyển nhượng) và công ty V2 (bên nhận chuyển nhượng), bởi vì điều này có ảnh hưởng đến quyền lợi của SCB (là bên nhận thế chấp tài sản có liên quan đến 02 hợp đồng vừa nêu ra).

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là bị cáo Đinh Trường C và SCB trình bày yêu cầu kháng cáo như sau:

-Bị cáo Đinh Trường C đề nghị Tòa án xem xét về việc quy kết rằng bị cáo đã hưởng lợi số tiền 970 tỷ đồng và đề nghị xem xét giảm hình phạt cho bị cáo;

-SCB đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại việc hủy các hợp đồng góp vốn, chuyển nhượng vốn ký kết vào ngày 23/12/2015 và ngày 30/12/2015 giữa V II và công ty V3; giữa V II và công ty V2 bởi vì như vậy đã gây thiệt hại cho SCB (pháp nhân nhận thế chấp tài sản giao dịch theo 02 bản hợp đồng vừa nêu ra); đề nghị xem xét lại việc thu hồi nhà, đất tại số C N và số C, D C, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án, như sau:

Về tội danh:

Nhà, đất tại số C N và số C, 36, D C, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu nhà nước, giao cho V II (là , Nhà nước giữ 51% vốn). Vào ngày 11/09/2010, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số BB 971073 cho V II.

Vì không đủ tài chính để khai triển dự án (đã được phê duyệt) nên V II muốn chuyển nhượng quyền sử dụng 04 khu nhà, đất nói trên nhằm giải quyết khó khăn về tài chính của công ty. Thực hiện ý định này, Huỳnh Thế N1 (là Tổng Giám đốc) và Nguyễn Thọ T1 (là Phó Tổng Giám đốc) thỏa thuận với Đinh Trường C để thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng 04 khu nhà, đất bằng cách góp vốn lập công ty, rồi sau đó V II thoái vốn, chuyển nhượng lại cho Đinh Trường C, thông qua pháp nhân công ty V2, công ty V3.

Hành vi của Đinh Trường C (và hai đồng phạm) đã phạm tội "*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*" thuộc trường hợp "gây thất thoát, lãng phí từ 1.000.000.000 đồng trở lên", chiếu theo Khoản 3 Điều 219 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Đinh Trường C phạm vào tội danh nói trên, là đúng pháp luật.

Về việc xác định thiệt hại 970 tỷ đồng:

Vào ngày 25/11/2015 và ngày 31/12/2015, công ty V2 trả cho V II tổng cộng 730 tỷ để nhận chuyển nhượng toàn bộ 04 khu nhà, đất nói trên. Ngày 30/01/2016, công ty V2 chuyển nhượng vốn góp cho bà Hoàng Ngọc Cẩm H với giá tiền 792 tỷ đồng. Ngày 02/02/2016, bà Hoàng Ngọc Cẩm H chuyển nhượng cho công ty B3 với giá tiền 1.683 tỷ đồng. Vào lúc này, công ty V2 vẫn do Đinh Trường C đại diện pháp luật/và là Chủ tịch HĐQT; bà Đinh Ngọc Châu H3 (là người em ruột của Đinh Trường C) làm Tổng giám đốc.

Đối với bà Hoàng Ngọc Cẩm H (là người em họ của bị cáo Đinh Trường C): là người mà bị cáo nhờ làm trung gian nhận chuyển nhượng/chuyển nhượng lại, không hưởng lợi khoản tiền nào.

Do đó, khoản tiền chênh lệch giữa giá mua và giá bán, là khoản tiền mà Nhà nước thất thoát thực tế do hành vi trái pháp luật của các bị cáo gây ra.

Về việc quy kết bị cáo Đinh Trường C thu lợi bất chính 970 tỷ đồng:

Vào ngày 05/02/2016 và 15/02/2016, công ty B3 thanh toán cho bà Hoàng Ngọc Cẩm H số tiền 1.683 tỷ đồng. Cùng trong ngày 15/02/2016, bà Hoàng Ngọc Cẩm H lấy (một phần trong tổng số tiền 1.683 tỷ đồng) để thanh toán cho công ty V2 số tiền 792 tỷ đồng; còn lại là 891 tỷ đồng, bà Hoàng Ngọc Cẩm H và 02 người khác (là ông P2 và ông Đ2) rút ra và nộp vào tài khoản của Đinh Trường C, Đinh Ngọc Châu H3, Trần Đức C1, Bùi Quang T4, Hà Thị Bích H1, Nguyễn Thị Minh L1. Sau đó, 06 người này nộp một phần vào tài khoản của công ty V2 và một phần dùng để thanh toán mua cổ phần của công ty CP T9 (HDTC).

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo Đinh Trường C hưởng lợi số tiền phạm pháp 953 tỷ đồng, là có căn cứ (bởi vì vào lúc này, công ty V2 vẫn do

Đinh Ngọc Châu H3, là em gái của bị cáo, đứng tên Tổng giám đốc, còn bị cáo là Chủ tịch hội đồng thành viên.

Riêng đối với số tiền 17 tỷ đồng (1% vốn góp), kết quả điều tra như sau:

-Vào ngày 23/01/2017, ông Bùi Quang T4-Tổng Giám đốc, đại diện công ty T9, ký hợp đồng số 02, chuyển nhượng 1%, vốn điều lệ tại công ty T9 cho Công ty T9. Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo Đinh Trường C hưởng lợi từ số tiền 17.000.000.000 đồng (tương đương 1% vốn điều lệ của công ty T9) là không có căn cứ, bởi vì kể từ ngày 07/10/2016, bị cáo không còn là người đại diện của công ty V2 nữa.

Về hình phạt đối với bị cáo Đinh Trường C:

Mặc dù chỉ là đại diện cho pháp nhân tư nhân (công ty V2), nhưng bị cáo Đinh Trường C đã chủ động đề xuất với V II để thành lập công ty V3-trên cơ sở vốn góp của công ty V2. Sau đó, V II thoái vốn, chuyển nhượng vốn, thực chất là chuyển nhượng quyền sử dụng đất không thông qua đấu giá, cho công ty V2. Sau đó, bị cáo Đinh Trường C chuyển nhượng 04 khu nhà, đất nói trên, cho công ty B3, gây thất thoát, lãng phí tài sản Nhà nước, là 970 tỷ đồng.

Bị cáo Đinh Trường C được áp dụng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Điểm b, s, v Khoản 1; Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và đủ điều kiện để áp dụng Khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự (được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt).

Tại phiên tòa phúc thẩm, có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới: gia đình bị cáo đã nộp 10.000.000.000 đồng khắc phục hậu quả. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

*Đối với kháng cáo của Ngân hàng S*CB*:*

Trong vụ án này, có những giao dịch chuyển nhượng vốn sau đây: V II chuyển nhượng cho V2 với giá tiền 730 tỷ; công ty V2 chuyển nhượng cho bà Hoàng Ngọc Cẩm H với giá tiền 792 tỷ đồng; bà Hoàng Ngọc Cẩm H chuyển nhượng cho công ty B3 với giá tiền 1.683 tỷ đồng; công ty B3 chuyển nhượng cho Sài Gòn D và công ty CP đầu tư B4 với giá tiền 2.272 tỷ đồng. Sau đó, công ty D và công ty B4 thế chấp 04 cơ sở nhà, đất nói trên, để vay của SCB số tiền 7.500 tỷ đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã dành quyền khởi kiện cho SCB và những người khác trong vụ án khác, khi có tranh chấp, bằng vụ án khác, là đúng pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của SCB.

Trong phần tranh luận, có những ý kiến như sau:

-Người đại diện của SCB vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đã trình bày nói trên;

Luật sư bào chữa cho bị cáo Đinh Trường C trình bày ý kiến như sau:

Ý kiến của Luật sư Huỳnh S:

-Đề nghị xem xét vai trò, mức độ phạm tội của Đinh Trường C phù hợp với các điều kiện khách quan để áp dụng hình phạt phù hợp, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư cho rằng việc phê duyệt phương án xử lý, sắp xếp lại những cơ sở nhà, đất của Tổng công ty V II không thuộc phương thức xử lý là bán tài sản

trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hình thức đấu giá bởi vì trên đó vẫn còn có 34 hộ dân đang sinh sống, chưa có phương án di chuyển họ đi đâu. Vì vậy, đây là những điều kiện khách quan vội vàng, không rõ ràng và có phần trách nhiệm của Bộ C8 đã không kiên quyết, minh bạch, chưa đúng pháp luật, xuất phát ngay từ Văn bản của Bộ C8 (trình Chính phủ) khi đề nghị cho phép V II góp một phần quyền sử dụng đất là 20% của 4 cơ sở nhà đất có trên 6.000m^2, dẫn đến tội phạm xảy ra.

Vì vậy, Luật sư đề nghị xem xét vai trò đồng phạm giúp sức của bị cáo Đinh Trường C trong vụ án này với tội danh "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí" theo Điều 219 của Bộ luật Hình sự. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo C đã nộp 10 tỷ đồng để khắc phục hậu quả; bị cáo và gia đình bị cáo đã trình bày phương án khắc phục hậu quả, đề nghị Đại diện Viện công tố, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về số tiền 970 tỷ đồng, Luật sư cho rằng đã chứng minh được có số tiền 472.309.203.000 đồng chuyển cho công ty V2, nhưng vẫn buộc bị cáo chịu trách nhiệm toàn bộ 970 tỷ đồng, là không phù hợp với tình tiết khách quan vụ án, chưa bảo đảm quyền lợi dân sự của bị cáo.

Về việc kiến nghị UBND Thành phố H thu hồi 4 cơ sở nhà đất tại C N, 34-36, 42 Chu Mạnh Trinh với diện tích 6.274,5m^2 tại địa chỉ nêu trên là không phù hợp với việc xử lý tài sản theo Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích nói trên, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm hình phạt cho bị cáo; xử lý 4 cơ sở nhà đất theo Điều 47 (khoản 1), Điều 48 (khoản 2) Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đảm bảo công bằng, khách quan.

(có văn bản kèm theo).

Ý kiến của Luật sư Nguyễn Sa L2:

-Không có căn cứ xác định rằng bị cáo Đinh Trường C chỉ đạo rút tiền từ tài khoản của bà Hoàng Ngọc Cẩm H để hưởng lợi;

Công ty B3 đã chuyển 1.683 tỷ đồng vào tài khoản của bà Hoàng Ngọc Cẩm H (tại Ngân hàng TMCP H6-M) để thanh toán việc mua 99% vốn góp của Công ty V3. Sau đó, từ tài khoản này, có 9 lệnh ủy nhiệm chi chuyển tổng cộng 792 tỷ đồng cho công ty V2 (tương ứng 99% giá trị vốn góp trong công ty V3). Ngày 10/02/2016, bà Hoàng Ngọc Cẩm H xuất cảnh Việt Nam, đi nước ngoài. Vào ngày 15/02/2016, khi bà Hoàng Ngọc Cẩm H không có mặt tại Việt Nam, đã xuất hiện 2 tờ séc và 8 lệnh ủy nhiệm chi rút tiền mặt với tổng số tiền 891 tỷ đồng từ tài khoản bà Hoàng Ngọc H; Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận xét như sau:

+ 472,3 tỷ đồng "nộp vào" tài khoản một số cá nhân (gồm ông Trần Đức C1, ông Bùi Quang T4, bị cáo C…) rồi sau đó chuyển trở lại cho công ty V2;

+ 351,9 tỷ đồng "nộp vào" tài khoản các cá nhân khác (bà Nguyễn Thị Minh L1, bà Hà Thị Bích H1) tại ngân hàng M, sau đó chuyển cho công ty C9.

+ 66,793 tỷ đồng cơ quan điều tra chưa xác định được ai thụ hưởng.

Các nhân viên ngân hàng M trực tiếp thực hiện giao dịch đã khai rằng trong thực tế, không hề có việc rút tiền mặt hay nộp tiền mặt từ tài khoản bà Hoàng Ngọc Cẩm H; ngân hàng chỉ lập chứng từ khống, hạch toán ghi "có" vào tài

khoản các cá nhân và ghi "nợ" tương ứng ở tài khoản bà Hoàng Ngọc Cẩm H theo yêu cầu của khách hàng. Ngoài ra, những người ký các tờ séc rút tiền (là ông Lê Đức Đ2, ông Đoàn Văn P2) khai rằng họ không trực tiếp đến ngân hàng và không thụ hưởng khoản tiền nào; những người khác (ký chứng từ nộp tiền) cũng khai không thụ hưởng số tiền đó.

Cơ quan tố tụng sơ thẩm cho rằng bị cáo Đinh Trường C đã chỉ đạo ông Đ2, ông P2 rút tiền từ tài khoản bà H, rồi giao lại cho bị cáo, nhưng không có bất kỳ chứng từ ngân hàng hay giấy biên nhận tiền nào chứng minh mối liên hệ giữa bị cáo C với hai người ký séc rút tiền này.

-Không có căn cứ xác định rằng tiền trong tài khoản của bị cáo Đinh Trường C có nguồn gốc từ tài khoản của bà Hoàng Ngọc Cẩm H;

-Trong số tiền 1.683 tỷ đồng, phần nhiều đã được phân bổ cho các cá nhân, tổ chức khác; không có bằng chứng để xác định rằng bị cáo Đinh Trường C trực tiếp hưởng lợi;

Số tiền 792 tỷ đồng (trong tổng số 1.683 tỷ đồng) đã được bà Hoàng Ngọc Cẩm H chuyển thẳng vào tài khoản của công ty V2 (để thanh toán 99% giá trị vốn góp trong công ty V3). Chủ thể hưởng lợi trực tiếp số tiền 792 tỷ đồng này là công ty V2, không phải là cá nhân bị cáo. Vào lúc này, Công ty V2 có 7 thành viên góp vốn, gồm công ty H7 (39%), bị cáo (39%), ông Nguyễn Duy K1 (10%), ông Bùi Quang T4 (3%), ông Trần Đức C1 (3%), ông Nguyễn Thanh N5 (3%), ông Trần Đ1 (3%). Như vậy, bị cáo chỉ có 39% vốn góp, không phải là người sở hữu tài sản của công ty; số tiền chuyển về cho công ty V2 phải thuộc sở hữu của pháp nhân V2, không thuộc sở hữu riêng của bị cáo.

Số tiền còn lại (891 tỷ đồng), bản án sơ thẩm cho rằng được rút "khống" khỏi tài khoản bà Hoàng Ngọc Cẩm H và ghi có vào tài khoản của 5 cá nhân gồm: bị cáo C, ông Trần Đức C1, ông Bùi Quang T4, bà Hà Thị Bích H1 và bà Nguyễn Thị Minh L1. Tất cả những người này, trừ bị cáo C, đều là nhân viên hoặc người có liên quan đến T16 – đây là điểm mấu chốt. Lời khai của các ông Bùi Quang T4 và Trần Đức C1 tại cơ quan điều tra, sau khi nhận tiền trong tài khoản, các cá nhân C1 và T4 đã chuyển toàn bộ số tiền nhận được trở lại cho công ty V2 với nội dung "hoàn ứng" (tức hoàn trả tiền đã tạm ứng trước đó), cụ thể như sau: ông Trần Đức C1 (thành viên góp 3% vốn V2) nhận 105,104 tỷ đồng và đã chuyển hết số tiền này cho công ty V2; ông Bùi Quang T4 (Tổng giám đốc V2 từ ngày 15/01/2016, góp 3% vốn) nhận 150 tỷ đồng và cũng chuyển toàn bộ cho công ty V2. Như vậy, điểm đến cuối cùng của dòng tiền từ tài khoản ông Trần Đức C1, ông Bùi Quang T4 là công ty V2, không phải chuyển vào tài khoản bị cáo Đinh Trường C.

Tài liệu, chứng cứ cho thấy rằng phần lớn số tiền 1.683 tỷ đã được chuyển về cho 3 nhóm: (1)Công ty V2; (2)Nhóm các cá nhân liên quan T16 và (3)Các cổ đông khác của công ty V2 (ông Bùi Quang T4, ông Trần Đức C1);

-Việc xác định số tiền "thu lợi bất chính" là 970 tỷ đồng, là chưa phù hợp với tình tiết khách quan khác của vụ án;

-Kiến nghị về phần trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp khi giải quyết vụ án:

Theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015, khi một giao dịch dân sự bị tuyên vô hiệu thì các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Trong vụ án này, tài sản (khu đất) đã được Nhà nước thu hồi về cho chủ sở hữu (theo quyết định số 2834 ngày 23/08/2022 của UBND Thành phố H thu hồi toàn bộ 6.274,5m² đất). Như vậy, Nhà nước đã lấy lại được tài sản; những giao dịch bị tuyên vô hiệu, hậu quả là bà Hoàng Ngọc Cẩm H (người đại diện bán 99% vốn) phải trả lại cho công ty B3 1.683 tỷ đồng đã nhận; công ty B3 phải trả lại cho bà Hoàng Ngọc Cẩm H 99% vốn góp công ty V3 mà họ đã mua. Như vậy, việc buộc bị cáo phải nộp 970 tỷ đồng để sung công quỹ, là không đúng;

Luật sư đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đinh Trường C, sửa lại phần biện pháp tư pháp liên quan đến khoản tiền 970 tỷ đồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

(có văn bản kèm theo)

Ý kiến của Luật sư Nguyễn Thị Thanh T5:

-Các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm xác định thiệt hại xảy ra trong vụ án này, chưa đúng với thủ tục tố tụng. Theo Luật sư, thiệt hại phải được tính tại thời điểm xảy ra hành vi phạm tội, tức là thời điểm V II ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho công ty V2 (25/11/2015 và 30/12/2015) chứ không phải lấy sự chênh lệch giữa giá mua-giá bán (vào tháng 02/2016) để tính thiệt hại;

-Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án không chứng minh được rằng bị cáo Đinh Trường C đã hưởng lợi toàn bộ số tiền chênh lệch 970 tỷ đồng; các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để xác định đúng và rõ ràng về đường đi của số tiền 970 tỷ đồng này;

-Phải phân hóa vai trò của bị cáo Đinh Trường C: bị cáo không phải là người được giao quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước, nên không thể là bị cáo đầu vụ và không thể bị xử nặng nhất; bị cáo chỉ là đồng phạm giúp sức (cho bị cáo Huỳnh Thế N1 và Nguyễn Thọ T1);

-Về trách nhiệm dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo Đinh Trường C nộp 970 tỷ đồng thu lợi bất chính, là chưa đủ căn cứ pháp luật (không chứng minh được rằng bị cáo đã hưởng toàn bộ số tiền này);

-Bị cáo có nhiều hơn 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã nộp thêm 10 tỷ đồng khắc phục; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới phát sinh.

Với những ý kiến nói trên, Luật sư đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đinh Trường C, giảm nhẹ hình phạt và xác định lại số tiền mà bị cáo phải nộp lại cho Nhà nước.

(có văn bản kèm theo).

Ý kiến của Luật sư Nguyễn Hồng S1:

-Về trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Đinh Trường C 13 năm tù, là quá nặng so với vai trò của bị cáo trong vụ án này, bởi vì bị cáo không phải là người được giao quản lý tài sản Nhà nước, nên không thể giữ vai trò là bị cáo đầu vụ án; bị cáo Đinh Trường C chỉ là đồng phạm giúp sức, hình phạt chỉ có thể bằng với các bị cáo khác trong vụ án;

-Về trách nhiệm dân sự: không có bằng chứng để xác định rằng bị cáo Đinh Trường C hưởng lợi 970 tỷ đồng; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại về số tiền mà bị cáo phải nộp lại cho Nhà nước. Theo Luật sư, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chỉ thể hiện rằng bị cáo chỉ hưởng lợi bất chính số tiền là 72,02 tỷ đồng; cách tính như sau: [970 tỷ thu lợi bất chính - 1,98 tỷ đồng (đã nộp thuế) - 20 tỷ đồng (bà Hoàng Ngọc Cẩm H rút ra) - 792 tỷ đồng (chuyển vào tài khoản của công ty T9) - 17 tỷ đồng (giá trị nằm trong khu đất mà Nhà nước đã thu hồi) - 66,7 tỷ đồng (chưa làm rõ sử dụng vào việc gì] = 72,02 tỷ đồng.

Với những ý kiến trình bày nói trên, Luật sư đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt, chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Đinh Trường C.

(có văn bản kèm theo).

Ý kiến của Luật sư Nguyễn Văn C2:

-Luật sư đồng ý về tội danh và điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết;

Vai trò của bị cáo Đinh Trường C chỉ là bên mua, giữ vai trò đồng phạm, không có quyền định đoạt hay quyết định việc đấu giá (để mua-bán) đất. Nguyên nhân trực tiếp làm cho vụ án xảy ra, là việc V II chuyển nhượng đất không qua đấu giá công khai, không báo cáo trung thực.

-Về vai trò và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: những giao dịch mua-bán (đất, chuyển nhượng vốn….) đều đã được công chứng và đăng ký hợp pháp; sự sai phạm, nếu có, còn thuộc về cơ quan công chứng và cơ quan đăng ký đất đai. Vì vậy, Tòa án cần phải đánh giá trách nhiệm hình sự của bị cáo Đinh Trường C một cách công bằng, đúng thực tế.

-Về việc xác định thiệt hại của Nhà nước:

Cách tính thiệt hại chưa chính xác, chưa trừ đi những chi phí liên quan (chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí thuế, lệ phí khác…); toàn bộ khu đất đã được Nhà nước lấy lại, hậu quả đã được khắc phục; theo nguyên tắc giao dịch dân sự vô hiệu, các bên phải hoàn trả cho nhau, nên số tiền 730 tỷ đồng (bị cáo đã nộp cho V II) phải được tính là khoản tiền bị cáo khắc phục hậu quả;

Quy kết cho bị cáo hưởng lợi 970 tỷ đồng, nhưng bằng chứng không rõ ràng, không thuyết phục;

-Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; xem như đã khắc phục hậu quả là (730 tỷ đồng đã nộp cho T9 + 10 tỷ đồng đã nộp trong quá trình xét xử phúc thẩm); bị cáo có nhiều đóng góp trong hoạt động của mình: đưa công ty H8 phát triển, nộp ngân sách gần 877 tỷ đồng, tạo việc làm cho hàng trăm lao động; bị cáo tích cực tham gia hoạt động xã hội, hoạt động từ thiện; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha-mẹ già yếu, bản thân bị cáo mắc nhiều bệnh mạn tính.

Với những ý kiến nói trên, Luật sư đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, đánh giá lại vai trò của bị cáo trong vụ án; đánh giá lại hậu quả thiệt hại, hậu quả thất thoát, lãng phí tài sản Nhà nước; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

(có văn bản kèm theo).

Ý kiến của Luật sư Lê Hồng N6 và Luật sư Phạm Văn H2:

Luật sư cho rằng bị cáo Đinh Trường C luôn mong muốn khắc phục hậu quả (bằng cách bán những tài sản của mình và người thân trong gia đình bị cáo

bán tài sản của họ để hỗ trợ bị cáo khắc phục hậu quả vụ án), nhưng điều này cần thêm thời gian dài, bởi vì bị cáo đang bị giam giữ.

Trước mắt, trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, gia đình bị cáo đã nộp 10 tỷ đồng cho cơ quan Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (ngày 19/01/2016 và ngày 21/01/2026) để khắc phục một phần hậu quả. Về lâu dài, Luật sư cho rằng số tài sản của bị cáo, ước chừng từ 200 ngàn tỷ đồng-300 ngàn tỷ đồng, đủ để khắc phục hậu quả theo phán quyết của Tòa án.

Về việc xác định rằng bị cáo Đinh Trường C là người hưởng lợi số tiền 970 tỷ đồng, Luật sư cho rằng không có bằng chứng như vậy; đề nghị Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm trực tiếp thu thập bằng chứng về đường đi của số tiền 970 tỷ đồng tại ngân hàng TMCP H6, tại công ty V2 vào thời điểm diễn ra giao dịch giữa bị cáo và công ty B3.

Với những ý kiến trình bày nói trên, Luật sư đề nghị Tòa án dừng phiên trong một thời gian nào đó, để bị cáo và gia đình bị cáo có thể khắc phục thêm một khoản tiền nào đó.

Bị cáo Đinh Trường C đồng ý với tất cả những ý kiến trình bày nói trên của các Luật sư. Bị cáo cũng cho rằng bản thân mình không hoàn toàn chiếm hưởng số tiền 970 tỷ đồng như quy kết của Tòa án cấp sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại vấn đề này.

Trong phần đối đáp, đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Thành phố Hồ Chí Minh trình bày ý kiến như sau:

-Đối với ý kiến của S3: Tòa án cấp sơ thẩm đã dành cho S3 (và những cá nhân, pháp nhân khác có liên quan) quyền khởi kiện để giải quyết quyền lợi của mình bằng những vụ án khác. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của S3;

-Đối với ý kiến của Luật sư Lê Hồng N6, đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng không thể dừng phiên tòa (để cho bị cáo và gia đình bị cáo có thể khắc phục hậu quả) bởi vì bản thân bị cáo không thừa nhận việc hưởng lợi số tiền 970 tỷ đồng. Mặt khác, những tài sản (của bị cáo) đã bị kê biên nhiều, có thể dùng để khắc phục hậu quả sau này;

Đối với những ý kiến khác, đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

-Đối với yêu cầu đòi V II phải trả lại số tiền 730 tỷ đồng (nhận từ bị cáo Đinh Trường C), Tòa án cấp sơ thẩm đã dành quyền khởi kiện bằng vụ án khác;

-Việc UBND Thành phố H ra quyết định thu hồi toàn bộ 04 khu đất nói trên, là đúng pháp luật;

-Về việc quy kết bị cáo Đinh Trường C hưởng lợi số tiền 970 tỷ đồng: giá mua khu đất 730 tỷ đồng và giá bán lại khu đất 1.700 tỷ đồng, đều do bị cáo biết rõ và đưa ra quyết định; bà Hoàng Ngọc Cẩm H chỉ là người trung gian (giúp cho bị cáo mua-bán), không hưởng lợi. Như vậy, việc quy kết bị cáo hưởng lợi 970 tỷ đồng, là đúng. Tuy nhiên, nếu sau này có bằng chứng gì khác về việc này (chứng minh rằng ngoài bị cáo, đã có ai đó hưởng lợi trong tổng số tiền 970 tỷ đồng) thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác;

-Trong vụ án này, chỉ có bị cáo Đinh Trường C hưởng lợi; các bị cáo Huỳnh Thế N1, Nguyễn Thọ T1 không hưởng lợi. Vì vậy, mức hình phạt dành cho bị cáo Đinh Trường C cao hơn hai bị cáo còn lại, là hợp lý;

-Bị cáo Đinh Trường C có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và có những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác theo Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, về lý thuyết, bị cáo có thể được xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị truy tố, xét xử. Tuy nhiên, việc này thuộc về quyền hạn của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Đinh Trường C mong muốn được giảm hình phạt và mong muốn được thêm thời gian để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Vào năm 2005, Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên-Tổng Công ty Lương thực Miền N2 (từ đây gọi là V II) là công ty có 100% vốn Nhà nước.

Tại quyết định số 2133/QĐ-TTg ngày 29/12/2017, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty V II , xác định rằng cổ phần Nhà nước chiếm 51%.

[2]Chiếu theo những văn bản sau đây: quyết định số 914/LTTP/QĐ ngày 16/01/1997 của Bộ L4 và Thực phẩm; quyết định số 261/NN- TCKT/QĐ và số 265/NN- TCKT/QĐ ngày 07/07/1993 của Bộ N10; quyết định số 1425/QĐ- UB ngày 22/09/1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố H, thì Nhà nước xác lập quyền sở hữu đối với nhà và đất (số C N và số C; D C, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh), giao cho V II trực tiếp quản lý, sử dụng.

Chiếu theo những quyết định sau đây: quyết định số 80/2001/QĐ- TTg ngày 24/05/2001; quyết định số 09/2007/QĐ- TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 94/NQ-CP ngày 27/09/2011 và Nghị định 71/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính phủ về việc xử lý, sắp xếp lại nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn TP ., thì V II được giao quyền sử dụng đất đối với 04 cơ sở nhà đất nói trên và được chuyển mục đích sử dụng đất để làm khách sạn cao cấp, cao ốc văn phòng và trung tâm thương mại.

Vào ngày 11/09/2010, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất-quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số BB 971073, cho V II, xác định mục đích sử dụng đất là "*Đất cơ sở sản xuất kinh doanh (khách sạn, cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại*)", thời hạn sử dụng đất là 50 năm, kể từ ngày 19/11/2008.

[3]Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất-quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, V II không thực hiện dự án mà dùng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, cùng với công ty TNHH V2 (gọi là công ty V2), góp vốn để thành lập công ty TNHH V3 (gọi là công ty V3), phần vốn góp cụ thể như sau: công ty V2 góp 640 tỷ đồng (chiếm 80%) và V II góp 160 tỷ đồng

(chiếm 20%); công ty này (V3) do bị cáo Đinh Trường C làm Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Tiếp sau đó, bị cáo Huỳnh Thế N1 (là Tổng Giám đốc V II), bị cáo Nguyễn Thọ T1 (là Phó Tổng Giám đốc V II) phối hợp với bị cáo Đinh Trường C đã đề xuất, xin chủ trương, chấp thuận việc thoái vốn, chuyển nhượng phần vốn góp, chuyển nhượng quyền sử dụng đất của V II có tại công ty V3, với giá tổng cộng là 730 tỷ đồng (bao gồm 160 tỷ đồng phần vốn góp và 570 tỷ đồng giá trị phần quyền sử dụng đất còn lại) theo phương thức thỏa thuận bán chỉ định, không thông qua đấu giá. Sự việc này thực hiện theo hợp đồng góp vốn và chuyển nhượng quyền sử dụng đất, số 28355/TP/CC- SCC/HĐGD ngày 23/12/2015 (công chứng tại Phòng C5, Thành phố Hồ Chí Minh) giữa V II và V3; hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 30/12/2015 giữa V II và công ty V2.

[4]Căn cứ vào những tình tiết nói trên và tài liệu, chứng cứ của vụ án (thu thập trong quá trình điều tra), thì có căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo Đinh Trường C diễn ra như sau:

[4.1]Bị cáo Đinh Trường C cùng với V II, thành lập công ty V3 (trên cơ sở vốn góp của công ty V2 và V II), thỏa thuận việc V II để dùng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, góp vốn với công ty V3. Tiếp sau đó, V II thoái vốn, chuyển nhượng vốn (về bản chất, là chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo sự thỏa thuận bán chỉ định) cho công ty V3.

[4.2]Sau khi nhận chuyển nhượng 04 khu nhà, đất nói trên, bị cáo Đinh Trường C nhờ bà Hoàng Ngọc Cẩm H làm người trung gian để thực hiện việc chuyển nhượng lại cho công ty cổ phần B3 (gọi là công ty B3), cách thức như sau:

-Vào ngày 30/01/2016 bị cáo (đại diện công ty V2) ký kết hợp đồng, chuyển nhượng ngang giá 99% vốn góp (là 792 tỷ đồng) tại công ty V3 (đây chính là 99% giá trị quyền sử dụng 04 khu nhà, đất) cho bà Hoàng Ngọc Cẩm H. Sau đó, vào ngày 02/02/2016, bà Hoàng Ngọc Cẩm H ký kết hợp đồng, chuyển nhượng lại 99% vốn góp cho công ty B3, giá bán là 1.683 tỷ đồng;

-Vào ngày 05/02/2016 và ngày 15/02/2016, công ty B3 trả đủ số tiền nói trên, chuyển vào tài khoản của bà Hoàng Ngọc Cẩm H. Sau đó, số tiền này đã được chuyển lại cho công ty V2 và cho bị cáo Đinh Trường C, cụ thể như sau:

-Số tiền 792 tỷ đồng chuyển lại cho công ty V2 để thanh toán cho hợp đồng mua 99% vốn góp mà bà Hoàng Ngọc Cẩm H đã ký kết trước đó với công ty V2;

-Số tiền 891 tỷ đồng còn lại (1.683 tỷ đồng – 792 tỷ đồng = 891 tỷ đồng) đã được lập chứng từ, rút tiền mặt ra khỏi tài khoản của bà Hoàng Ngọc Cẩm H, như sau: 01 séc lĩnh tiền mặt 20 tỷ đồng vào ngày 05/02/2016; 04 séc lĩnh tiền mặt 286 tỷ đồng và 08 giấy rút tiền mặt với số tiền 585 tỷ đồng, cùng vào ngày 15/02/2016. Cũng trong ngày 15/02/2016, số tiền 824.209.603.000 đồng (trong tổng số 891 tỷ đồng) đã được lập chứng từ, nộp tiền mặt vào tài khoản của 06 cá nhân *(gồm: Đinh Trường C, Đinh Ngọc Châu H3, Hà Thị Bích H1, Nguyễn Thị Minh L1, Trần Đức C1, Bùi Quang T4)*, rồi sau đó đã được chuyển về công ty V2 số tiền 472.309.203.000 đồng và chuyển cho bị cáo Đinh Trường C số tiền 351.900.400.000 đồng (sự việc chuyển cho bị cáo Đinh Trường C được xác định

thông qua việc nhờ bà Đinh Ngọc Châu H3, bà Hà Thị Bích H1, bà Nguyễn Thị Minh L1 đứng tên mua cổ phần tại công ty H8); riêng số tiền còn lại là 66.790.397.000 đồng, được xác định là đã rút tiền mặt vào ngày 05/02/2016 và 15/02/2016 và bị cáo Đinh Trường C là người sử dụng số tiền này (nhưng không xác định được là dùng vào việc gì);

-Trừ ra số tiền 20 tỷ đồng được lập chứng từ rút bằng séc vào ngày 05/02/2016 (lúc bà Hoàng Ngọc Cẩm H đang có mặt tại Việt Nam), thì tất cả những chứng từ rút tiền mặt còn lại, đều được thực hiện vào ngày 15/02/2016 (khi đó, bà Hoàng Ngọc Cẩm H đã xuất cảnh Việt Nam, đi nước ngoài từ ngày 10/02/2016).

[5]Xét về kháng cáo của bị cáo Đinh Trường C và của S3:

[5.1]Xét về kháng cáo của bị cáo Đinh Trường C:

[5.1.1]Xét về trách nhiệm hình sự của bị cáo Đinh Trường C:

[5.1.1.1]Căn cứ vào những tình tiết và tài liệu, chứng cứ của vụ án đã phân tích và đánh giá nói trên, thì có đủ cơ sở kết luận rằng bị cáo Đinh Trường C (và bị cáo Huỳnh Thế N1, bị cáo Nguyễn Thọ T1) đã phạm tội "*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*" theo Khoản 3 Điều 219 của Bộ luật Hình sự năm 2015; số tiền gây thất thoát, lãng phí tài sản Nhà nước được xác định là 970 tỷ đồng (đã trừ ra số tiền 730 tỷ đồng mà bị cáo Đinh Trường C trả cho T9 để nhận chuyển nhượng 04 khu nhà, đất nói trên), căn cứ vào giá trị thực tế tính bằng tiền mà bị cáo Đinh Trường C đã chuyển nhượng toàn bộ công ty V3 cho công ty B3 (về bản chất, là chuyển nhượng 04 khu nhà, đất của Nhà nước).

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội "*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*" theo Khoản 3 Điều 219 của Bộ luật Hình sự năm 2015, là đúng người, đúng tội.

[5.1.1.2]Về những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị cáo Đinh Trường C đã được Tòa án áp dụng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định Điểm b, s, v Khoản 1 và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuy nhiên, Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy cũng cần phân tích và ghi nhận thêm những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác (chiếu theo Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015) có thể áp dụng cho bị cáo, như sau:

-Thứ nhất là, trong vụ án này, tất cả những tài sản của Nhà nước bị sử dụng thất thoát, lãng phí (toàn bộ 04 khu nhà, đất nói trên), đều đã được thu hồi; hậu quả thiệt hại đã được khắc phục phần lớn; phần còn lại là số tiền 970 tỷ đồng phải thu nộp ngân sách thì mới thu được 15,4 tỷ đồng (5,4 tỷ đồng thu trong quá trình xét xử sơ thẩm; 10 tỷ đồng thu trong quá trình xét xử phúc thẩm);

-Thứ hai là, mặc dù các cơ quan tiến hành tố tụng quy kết rằng bị cáo Đinh Trường C đã thu lợi bất chính số tiền 970 tỷ đồng, nhưng xét về bằng chứng thực tế, chưa có đầy đủ bằng chứng để chứng minh rõ ràng như vậy (điều này thể hiện tại kết luận điều tra vụ án hình sự; cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; bản án sơ thẩm, và diễn biến của phiên xử phúc thẩm, kể cả ý kiến kết luận của Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành

phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm). Sự thiếu sót này là do bên cạnh việc thực hiện rất nhiều giám định, thì các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm đã không thực hiện việc trưng cầu kiểm toán công ty V2, trưng cầu kiểm toán đối với ngân hàng TMCP H6 (nơi thực hiện việc giao dịch chuyển tiền) trong khoảng thời gian diễn ra việc giao dịch số tiền 1.683 tỷ đồng, để có căn cứ xác định đúng về đường đi của số tiền này, từ đó mới có thể xác định chính xác số tiền và người được hưởng lợi bất chính. Tuy nhiên, cũng cần xét rằng đây là vụ án hình sự, các pháp nhân công ty V2, công ty V3, là do bị cáo Đinh Trường C góp vốn và thành lập ra, rồi dùng để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, trước tiên bị cáo phải chịu trách nhiệm toàn bộ, để bảo đảm trật tự quản lý tài sản Nhà nước, bảo đảm trật tự công cộng. Nếu sau này, có những tình tiết, chứng cứ gì khác, thì việc tranh chấp có thể được giải quyết bằng vụ án khác.

-Thứ ba là, trước khi xét xử sơ thẩm, cơ quan điều tra đã kê biên, ngăn chặn giao dịch đối với nhiều tài sản của bị cáo để bảo đảm thi hành án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư của bị cáo (Luật sư Lê Hồng N6) và bị cáo cũng đồng ý sẽ tiếp tục nộp tiền khắc phục thiệt hại cho Nhà nước (nhưng cho rằng cần thêm thời gian để bán tài sản);

-Thứ tư là, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, thừa nhận sai phạm và cam kết sẽ khắc phục toàn bộ thiệt hại theo phán quyết của Tòa án phúc thẩm;

-Thứ năm là, tính cho đến nay, bị cáo đã nộp được số tiền 10 tỷ đồng cho cơ quan Thi hành án (biên lai thu tiền, số 0000817 ngày 19/01/2026 và số 0000972 ngày 21/01/2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh) và bị cáo cam kết sẽ tiếp tục dùng tài sản (của bị cáo và những người thân trong gia đình) để khắc phục thiệt hại.

[5.1.1.3]Về trách nhiệm dân sự của bị cáo Đinh Trường C:

Việc xác định bị cáo Đinh Trường C phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính (là 970 tỷ đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước, như đã phân tích ở phần trên, là đúng pháp luật.

[5.1.1.4]Với sự phân tích ở trên, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo; chỉ có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo về trách nhiệm hình sự, giảm hình phạt cho bị cáo.

[5.2]Xét về kháng cáo của S3:

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội "*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*" chiếu theo Khoản 3 Điều 219 của Bộ luật Hình sự năm 2015; tài sản của Nhà nước ở đây là toàn bộ khu nhà, đất số 33 N và số C; D C, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; quá trình thực hiện tội phạm của các bị cáo là quá trình góp vốn, thoái vốn và chuyển nhượng quyền sử dụng nhà, đất một cách trái pháp luật.

Như vậy, việc phát giác tội phạm; khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo, là đúng pháp luật. Bên cạnh đó, một việc làm cần thiết là phải thu hồi lại tài sản Nhà nước đã bị giao dịch trái pháp luật nhằm khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra.

Do đó, việc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định và thu hồi lại những tài sản Nhà nước đã bị quản lý, sử dụng trái pháp luật, tức là toàn bộ khu

nhà, đất số 33 N và số C; D C, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, là đúng.

Vì S3 là pháp nhân nhận thế chấp tài sản nói trên, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giành quyền khởi kiện về sau, là đúng, bảo đảm quyền lợi của S3. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ pháp luật để chấp nhận kháng cáo của S3.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 330; Điều 345; Điều 355; Điều 357 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

1/Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần S3; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đinh Trường C;

Sửa bản án sơ thẩm số 660/2025/HS-ST ngày 25/09/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần hình phạt của bị cáo Đinh Trường C, như sau:

-Tuyên bố bị cáo Đinh Trường C phạm tội "*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*";

Áp dụng Khoản 3 Điều 219; Điều 17; Điều 58; Điểm b, s, v Khoản 1; Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

-Xử phạt bị cáo Đinh Trường C 11 (mười một) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 26/10/2023.

Áp dụng Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

-Buộc bị cáo Đinh Trường C nộp lại số tiền 970.000.000.000 đồng (chín trăm bảy mươi tỷ đồng) để tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước;

-Hủy "*Hợp đồng góp vốn và chuyển nhượng quyền sử dụng đất"* ngày 23/12/2015 ký kết giữa V II và công ty V3 (công chứng tại Phòng C5-Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 23/12/2015, số công chứng: 28355) và hủy "*Hợp đồng chuyển nhượng vốn*" ngày 30/12/2015 ký kết giữa V II và công ty V2;

- Hội đồng xét xử kiến nghị Uỷ ban nhân dân (UBND) Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố H thực hiện các thủ tục thu hồi đối với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quyết định số 2834/QĐ-UBND ngày 23/08/2022 của UBND Thành phố H về việc thu hồi 6.274,5m^2 đất thuộc thửa số 6, tờ bản đồ số 17 tại số C đường N; số C và D đường C, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Đối với quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ giao dịch (chuyển nhượng, thế chấp,...) liên quan đến 04 cơ sở nhà, đất số C đường N và số 34, 36, 42 đường C, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường S, Thành phố Hồ Chí Minh) sẽ được giải quyết theo trình tự tố tụng khác nếu các bên có tranh chấp;

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.400.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Đinh Trường C;

- Tiếp tục duy trì việc ngăn chặn giao dịch, chuyển nhượng đối với các tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo Đinh Trường C để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Đinh Trường C theo các văn bản cụ thể như sau:

+Văn bản số 398/PA09- Đ3 ngày 08/03/2024 gửi Công ty CP T9 và Kinh doanh nhà và văn bản số 426/PA09- Đ3 ngày 12/02/2024 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H của Cơ quan An ninh điều tra – Công an Thành phố H.

+Văn bản số 3631/ANĐT- Đ3, số 3634/ANĐT- Đ3, số 3637/ANĐT- Đ3, số 3640/ANĐT- Đ3, số 3642/ANĐT- Đ3, số 3643/ANĐT- Đ3, 3644/ANĐT- Đ3 số 3647/ANĐT- Đ3 ngày 08/11/2023 gửi đến: Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố T15, Ngân hàng N9, Phòng C-Công an Thành phố H, Sở Tài Nguyên và Môi trường Thành phố H, Ngân hàng N9-Chi nhánh Thành phố H, Cục C6-Bộ C7, Bộ T14, Phòng C-Công an Thành phố H của Cơ quan An ninh điều tra – Công an Thành phố H.

-Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan An ninh điều tra-Công an Thành phố H giải quyết theo thẩm quyền đối với việc ngăn chặn giao dịch tài sản của các bị cáo Huỳnh Thế N1, Nguyễn Thọ T1 và các cá nhân, tổ chức là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác theo Văn bản số 398/PA09- Đ3 ngày 08/03/2024 gửi Công ty CP T9 và Kinh doanh nhà, văn bản số 426/PA09- Đ3 ngày 12/02/2024 của Cơ quan An ninh điều tra – Công an Thành phố H, văn bản số 3631/ANĐT- Đ3, số 3634/ANĐT- Đ3, số 3637/ANĐT- Đ3, số 3640/ANĐT- Đ3, số 3642/ANĐT- Đ3, số 3643/ANĐT- Đ3, 3644/ANĐT- Đ3 số 3647/ANĐT- Đ3 ngày 08/11/2023 của Cơ quan An ninh điều tra – Công an Thành phố H.

2/Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/Về án phí phúc thẩm:

-Bị cáo không phải chịu;

-Ngân hàng S3 (S4) phải chịu 300.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tối cao;
-Viện trưởng VKSNDTC;
-Viện CT&KSXXPT tại TP.HCM;
-TAND,VKSND TP.HCM;
-Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
-Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
-THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
-Trại tạm giam Chí Hòa;
-Bị cáo và người tham gia tố tụng; lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tùng